

Số: 20/2020/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03/12/2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 136/2020/TLST-DS ngày 21/10/2020. Ngày 04/12/2020, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M đề nghị thể hiện quan điểm nhất trí với toàn bộ nội dung biên bản hòa giải thành ngày 03/12/2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T

Trụ sở: Số 22 Hàng V, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T -Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 2 Phó Đ , quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L - Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ - Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Cầu Giấy và ông Lại Văn H - Trưởng bộ phận thẩm định Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương-Chi nhánh Cầu Giấy.

Bi đơn: Anh Nguyễn T , sinh năm 1988

Trú tại: Tổ 3 Ninh P phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Viết B , sinh năm 1940

2. Bà Nguyễn Thị M , sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: số 921 đường L , phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến ngày 05/11/2020, anh Nguyễn T còn nợ Công ty T số tiền theo hợp đồng tín dụng số 137/2016/HĐTDHM-CN ngày 27/06/2016 và Giấy nhận nợ số 137.1 ngày 27/06/2016 là:

- Nợ gốc là: **1.200.000.000 đồng** (một tỷ, hai trăm triệu đồng).

- Nợ lãi trong hạn là: **107.704.109 đồng** (một trăm linh bảy triệu, bảy trăm linh bốn nghìn, một trăm linh chín đồng)

- Nợ lãi quá hạn là: **780.558.904 đồng** (bảy trăm tám mươi triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm linh tư đồng).

Tổng cộng: **2.088.263.013 đồng** (hai tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười ba đồng)

2. Các bên đương sự thống nhất về phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất ngày 30/6/2021, anh Nguyễn T trả nợ Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 05/11/2020 là: **2.088.263.013 đồng** (hai tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười ba đồng); Cụ thể gồm các khoản: Nợ gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn là 107.704.109 đồng (một trăm linh bảy triệu, bảy trăm linh bốn nghìn, một trăm linh chín đồng); Nợ lãi quá hạn là 780.558.904 đồng (bảy trăm tám mươi triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm linh tư đồng).

Ngoài ra, anh Nguyễn T còn phải trả cho Công ty T số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/11/2020 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 137/2016/HĐTDHM-CN ngày 27/06/2016 và Giấy nhận nợ số 137.1 ngày 27/06/2016 cho đến ngày thực tế trả hết nợ. Công ty T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn do chậm thi hành án.

Nếu anh Nguyễn T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ

gốc và nợ lãi theo thỏa thuận nêu trên thì Công ty T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 2801.2016/HĐTC ngày 21/06/2016 ký tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội (để thu hồi nợ) là: Toàn bộ căn hộ tập thể tại 6 đường La T , phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, thuộc tờ bản đồ số: 7E-IV theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109414350; Hồ sơ gốc số: 800.2009/QĐ-UBND do UBND quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2009 đứng tên ông Trần Viết B và bà Nguyễn Thị M .

Sau khi kê biên và phát mại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên, trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản và trả nợ cho Công ty T , nếu chưa trả được hết nợ cho Công ty T thì anh Nguyễn T phải thanh toán số nợ còn lại cho Công ty T .

Án phí: Anh Nguyễn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 36.882.630 đồng (ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng). Hoàn trả lại Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 36.800.000 đồng (ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0003932 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Ngoài ra các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ vấn đề gì khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Chu Tuấn Anh